



VIỆN NGHIÊN CỨU NUÔI TRỒNG THỦY SẢN I

Trung tâm Quan trắc Môi trường và Bệnh thủy sản miền Bắc

Địa chỉ: Phường Đình Bảng – thành phố Từ Sơn – tỉnh Bắc Ninh

Điện thoại: 0243.8785751 Fax: 0243.878.0099

Email: o.cedma@ria1.org, website: www.ria1.org



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU

Mã phiếu: QTHT240515

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng: Chi cục Thủy sản Hà Tĩnh

Địa chỉ: Số 04 – Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh - Thành phố Hà Tĩnh - tỉnh Hà Tĩnh

Số điện thoại liên hệ/Email (nếu có): 039 3693157

Loại mẫu:

- Nước mặt Nước biển Nước thải Nước nuôi Động vật
trồng thủy sản thủy sản
- Sản phẩm Đất Bùn Trầm tích Khác
thủy sản

Tình trạng mẫu: Bảo quản lạnh

Địa điểm thu mẫu: Chi tiết tại Bảng 1

Ngày thu mẫu: 13-14/5/2024

Ngày nhận mẫu: 15/5/2024

Người nhận mẫu: Đặng Thị Phú

Chỉ tiêu và phương pháp phân tích: Chi tiết tại Bảng 2

Ngày phân tích: 15-16/5/2024

Bảng 1: Địa điểm thu mẫu

TT	Địa điểm thu mẫu	Ký hiệu mẫu
Nguồn cấp		
1.	Kỳ Ninh: Hói Lỗ	NC Kỳ Ninh
2.	Kỳ Thu: Ngọn Rào	NC Kỳ Thu
3.	Cầm Lộc: Bãi Rào	CL-CX
4.	Thạch Hạ Đồng ghè	Nước cấp Thạch Hạ
5.	Đan Trường	Nc Đan Trường
6.	Thạch Mỹ	Nc Thạch Mỹ
7.	Đình Bàn	N. cấp Đ.Bàn

Bảng 2: Chỉ tiêu và phương pháp phân tích

TT	Chỉ tiêu	Phương pháp phân tích
1.	N-NH ₄ ⁺	Phương pháp nội bộ HD.H.01
2.	N-NO ₂ ⁻	Phương pháp nội bộ HD.H.02
3.	P-PO ₄ ³⁻	Phương pháp nội bộ HD.H.03
4.	TSS	Phương pháp nội bộ HD.H.07
5.	Mật độ và thành phần tảo độc	SMEWW 10200 B,F:2017
6.	Định lượng vi khuẩn <i>Vibrio</i> tổng số	Phương pháp nội bộ HD.VS.12



2. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Bảng 3: Kết quả phân tích thủy hóa

Địa điểm	Nhiệt độ***	pH***	DO***	Độ trong***	Độ mặn***	Độ kiềm***	N-NH ₄ ⁺ **	N-NO ₂ ⁻ *	P-PO ₄ ³⁻ *	TSS**
	°C		mg/l	cm	‰	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l
Kỳ Ninh	27	7,5	4,0	40	15	125,3	0,211	0,011	0,016	49,0
Kỳ Thu	25	7,0	4,0	40	7	89,5	0,407	0,015	0,029	38,0
CL-CX	28	7,5	5,0	30	20	71,6	0,675	0,014	0,019	46,7
Nước cấp Thạch Hạ	28	7,8	4,5	35	16	71,6	0,346	0,032	0,079	26,5
Nc Đan Trường	28	8,0	4,5	35	20	53,7	0,166	0,019	0,006	37,5
Nc Thạch Mỹ	28	7,8	4,0	40	13	71,6	0,346	0,005	0,046	15,0
N. cấp Đ.Bàn	28	8,0	4,5	38	21	89,5	0,256	0,003	0,106	33,0
Tiêu chuẩn tham chiếu	26-32	7,5-8,2	5,0-9,0	30-45	7-25	80-200	≤3,0	≤1,0	≤0,15	≤100

Ghi chú:

- **Dấu ****: Chi tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017
- **Dấu (***)**: Chi tiêu đo tại hiện trường, được cung cấp bởi Chi cục Thủy sản Hà Tĩnh
- **TCVN 13656:2023**: Tiêu chuẩn quốc gia: Nước nuôi trồng thủy sản - Chất lượng nước nuôi thâm canh tôm sú, tôm thẻ chân trắng

Bảng 4: Kết quả phân tích mật độ tảo, thành phần tảo độc

STT	Ký hiệu mẫu	Giống/loài	Mật độ (tế bào/lít)
1.	Kỳ Ninh	KPH	0
2.	Kỳ Thư	KPH	0
3.	CL-CX	KPH	0
4.	Nước cấp Thạch Hạ	KPH	0
5.	Nc Đan Trường	KPH	0
6.	Nc Thạch Mỹ	KPH	0
7.	N. cấp Đ.Bàn	KPH	0

Ghi chú:

Ký hiệu (KPH): Không phát hiện.

Bảng 5: Kết quả định lượng *Vibrio* tổng số

STT	Ký hiệu mẫu	<i>Vibrio</i> tổng số ^{**} (CFU/mL)
1.	Kỳ Ninh	$4,9 \times 10^2$
2.	Kỳ Thư	$2,3 \times 10^1$
3.	CL-CX	$3,3 \times 10^1$
4.	Nước cấp Thạch Hạ	$4,0 \times 10^1$
5.	Nc Đan Trường	$3,7 \times 10^1$
6.	Nc Thạch Mỹ	$2,0 \times 10^1$
7.	N. cấp Đ.Bàn	$1,8 \times 10^2$
TCVN 13656:2023		$\leq 10^3$



Ghi chú: CFU/mL: Khuẩn lạc vi khuẩn/ml nước; TCVN 13656:2023: Tiêu chuẩn quốc gia: Nước nuôi trồng thủy sản - Chất lượng nước nuôi thâm canh tôm sú, tôm thẻ chân trắng; ^{**}: Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

3. NHẬN XÉT

- Các chỉ tiêu nhiệt độ, pH, độ trong, độ mặn, N-NH₄⁺, N-NO₂⁻, P-PO₄³⁻ và TSS tại các điểm quan trắc đều có giá trị trong giới hạn cho phép theo TCVN 13656:2023: Tiêu chuẩn quốc gia: Nước nuôi trồng thủy sản - Chất lượng nước nuôi thâm canh tôm sú, tôm thẻ chân trắng.
- Chỉ tiêu DO có 6/7 mẫu (85,71%) có giá trị thấp hơn giới hạn cho phép (GHCP) từ 1,11 lần đến 1,25 lần. Chỉ tiêu độ kiềm có 4/7 mẫu (57,14%) có giá trị thấp hơn giới hạn cho phép từ 1,11 lần đến 1,49 lần theo TCVN 13656:2023.

- Không phát hiện tảo độc trong 7 mẫu phân tích.
- Mật độ vi khuẩn *Vibrio* tổng số trong các mẫu có giá trị nằm trong giới hạn cho phép theo TCVN 13656:2023.

4. KHUYẾN CÁO

- Đối với các nguồn cấp có hàm lượng oxy và độ kiềm thấp cần có biện pháp tăng hàm lượng oxy và độ kiềm trong ao chứa hoặc ao lắng trước khi cấp vào ao nuôi:
 - + Quạt khí, sục khí cho đến khi đạt hàm lượng oxy theo yêu cầu.
 - + Sử dụng vôi tôi, hoặc Natri bicarbonate (NaHCO_3) hoặc Dolomite ($\text{CaMg}(\text{CO}_3)_2$) rải đều khắp ao để tăng độ kiềm, liều lượng theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

Bắc Ninh, ngày 17 tháng 5 năm 2024

Trưởng phòng



Phạm Thái Giang

Lãnh đạo đơn vị



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đức Bình